

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 136/2020/TLST-DS ngày 07/7/2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141a/2020/QĐST- DS ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V.** Địa chỉ: 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Đại diện ủy quyền: Ông **Lê Văn H-** Chuyên viên xử lý nợ V- Tầng 5 Tòa nhà S, Số 49 đường C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020).

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tuấn T;** sinh năm: 1987. Địa chỉ: 42/8 Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngày 29/12/2016, ông Nguyễn Tuấn T có ký **Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử** với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, với hạn mức cấp tín dụng là **35.000.000đ**, mục đích tiêu dùng cá nhân, mở thẻ ngày 13/01/2017.

Ngày **29/9/2017**, ông Nguyễn Tuấn T có ký Hợp đồng vay không tài sản đảm bảo số **DSA/VN0010325/2017.9/99/2903**, vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền **60.000.000đ**, thời hạn vay **24** tháng kể từ ngày giải ngân 03/10/2017 đến ngày 03/10/2019, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn 15,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo mức lãi suất bán vốn của VBank kỳ hạn tương ứng + biên độ 7%/năm; phương thức thanh toán lãi hàng tháng và trả vốn 24 kỳ, định kỳ đầu tiên vào ngày 01/11/2017.

Quá trình sử dụng Thẻ tín dụng: tính đến ngày **08/12/2019** ông T còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc **35.600.912** đồng (gồm nợ phát sinh và phí, lãi), Ngân hàng chuyển số nợ của ông T sang nợ quá hạn, nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020 là **15.328.329đ**; tổng cộng: **50.929.241đ**.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: tính đến ngày **03/9/2019**, ông T đã thanh toán, còn thiếu lại: nợ gốc: **4.550.429đ** + lãi **58.385đ** thì ngưng cho đến nay.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của Hợp đồng nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T phải thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng, cụ thể:

1. Khoản nợ Thẻ tín dụng: Nợ gốc: **35.600.912đ** + Lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **15.328.329đ**; tổng cộng: **50.929.241đ**.

2. Khoản nợ Hợp đồng tín dụng số **DSA/VN0010325/2017.9/99/2903** ngày **29/9/2017**: Nợ gốc: **4.550.429đ** + lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **1.375.326đ**; tổng cộng: **5.925.775đ**.

Tổng cộng số tiền ông T phải thanh toán cho ngân hàng:

50.929.241đ + 5.925.775đ = 56.854.996đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tuấn T vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 56.854.996đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng đã ký; Hội đồng xét xử xét thấy:*

- Ông Nguyễn Tuấn T có ký **Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử** ngày 29/12/2016 (được Ngân hàng xét duyệt ngày 29/12/2016) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay tiền của Ngân hàng theo hình thức sử dụng Thẻ tín dụng; theo đó, ông T đã đồng ý thống nhất các điều khoản thỏa thuận về thời hạn thanh toán, mức lãi suất, các loại phí sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng khi ký kết hợp đồng với Ngân hàng.

Do quá trình sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, ông T đã sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận của hợp đồng; vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó, ông T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: **35.600.912đ** + Lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **15.328.329đ**; tổng cộng: **50.929.241đ** và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng.

- Ngày **29/9/2017**, ông Nguyễn Tuấn T có ký Hợp đồng vay không tài sản đảm bảo số DSA/VN0010325/2017.9/99/2903 ngày 29/9/2017 với nguyên đơn; do ông T đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng cho ngân hàng vì vậy ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó, ông T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: **4.550.429đ** + lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **1.375.326đ**; tổng cộng: **5.925.775đ** và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng.

Do đó, tổng cộng số tiền ông T phải thanh toán cho Ngân hàng:

50.929.241đ + 5.925.775đ = 56.854.996đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo (là ngày 22/9/2020) đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Tuấn T phải chịu (**56.854.996đ x 5%**) = **2.842.800đ** tiền án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tuấn T phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** số tiền: **56.854.996đ** (*Năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng*) (trong đó: nợ gốc: 40.151.341đ + lãi tạm tính đến 21/9/2020: 16.703.655đ) và lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2020) đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng đã ký; *cụ thể:*

1. 1. Khoản nợ Thẻ tín dụng:

Nợ gốc: **35.600.912đ** + Lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **15.328.329đ**; tổng cộng: **50.929.241đ** và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng.

1. 2. Khoản nợ Hợp đồng tín dụng số **DSA/VN0010325/2017.9/99/2903** ngày **29/9/2017**:

Nợ gốc: **4.550.429đ** + lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020: **1.375.326đ**; tổng cộng: **5.925.775đ** và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn T phải chịu **2.842.800đ** (*Hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm đồng*) tiền án phí.

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp **1.244.000đ** theo biên lai số 006183 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

